TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-PT
Ngày 31 - 7-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuyến;

Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân D; nơi cư trú: Số 718 đường Ngô Gia T, phường Thành T, quận Hải A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng; nơi cư trú: Số 718 đường Ngô Gia T, phường Thành T, quận Hải A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ng là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1983 và đăng ký kết hôn lại tại Uỷ ban nhân dân phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 24-5-2010.

Ngay từ khi mới kết hôn, ông bà đã phát sinh nhiều bất đồng. Nguyên nhân ban đầu là do ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà Ng biết nhưng vẫn chấp nhận. Sau khi ý thức được việc làm sai của mình, ông D tập trung vào làm ăn vun vén cho gia đình. Tuy nhiên, bà Ng luôn ghen tuông, nghi ngờ ông và kiếm cớ những sai lầm của ông để dằn vặt, chửi bới, xúc phạm thậm chí rất nhiều lần còn đánh ông bị thương tích. Nhiều năm chung sống, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2019, do bà Ng ghen nên chửi bới, xúc phạm, dùng gậy sắt, dao đuổi đánh ông gây mất trật tự khu phố nên ông D phải đến Công an phường Thành Tô trình báo sự việc. Ông, bà đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng khắc phục được nên ông D đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ng.

- Về con chung: Ông D và bà Ng có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị Ng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà Ng thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Xuân D về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của ông D là đúng. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do ông D có quan hệ với nhiều phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần bỏ qua, tha thứ và chấp nhận việc ông D có người phụ nữ khác. Do có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng bà nhiều lần cãi nhau, xô xát, bà có dùng cây dóc vụt ông D, dùng dao búa để đe ông. Tháng 9, 10/2019, do phát hiện ông D vẫn liên lạc với người phụ nữ khác nên ông bà xảy ra cãi nhau, bà đã đánh ông D, Công an phường Thành Tô phải giải quyết. Có nhiều lần ông D đánh bà trước nên bà mới đánh lại. Nay ông D yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì mặc dù thực tế vợ chồng bà đã sống ly thân, nhưng bà đã nín nhịn, chịu đựng để tiếp tục duy trì cuộc sống như hiện nay để không ảnh hưởng đến cả hai và các con bà có bố, các cháu bà có ông nội. Bà không muốn ly hôn, đề nghị ông D quay về gia đình đoàn tụ như xưa. Trường hợp ly hôn thì ông D phải để lại sổ hưu cho bà và mọi tài sản của vợ chồng để lại cho hai con, ông D không được nhận bất kỳ tài sản gì.

- Về con chung: Ông D và bà Ng có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Hai con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung bà không có ý kiến gì và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

* Với nội dung nêu trên tại bản án sơ thẩm số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51 và 56của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

2. Về con chung: Ông D và bà Ng có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1983 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Hai con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

** Sau khi xét xử sơ thẩm:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo Bản án sơ thẩm số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà Ng không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Xuân D vì nhiều năm nay ông D có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác nhưng bà đã nhẫn nhịn để giữ chồng cho các con, giữ ông cho các cháu. Nếu bà và ông D ly hôn, bà lo rằng khối tài sản của hai vợ chồng ông D sẽ mang đi cho người phụ nữ khác. Bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông D tặng lại toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho hai con.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D trình bày: Ông không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Ng. Bà Ng thường xuyên đe dọa, chửi bởi, đánh ông, mâu thuẫn vợ chồng ông đã kéo dài nhiều năm, không còn khả năng khắc phục, thực sự tình cảm vợ chồng ông từ lâu đã không còn, không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ, cảm thông được với nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến ai. Việc duy trì cuộc hôn nhân như vậy khiến ông cảm thấy rất mệt mỏi nên ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, cho ông được ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống. Việc phân chia tài sản hai bên sẽ tự giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình tiến hành tố tụng Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng đúng thời hạn và quy định nên được coi là kháng cáo hợp lệ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của các bên, các tài liệu khác thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Ng mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm; từ cuối năm 2019 đến nay, ông D và bà Ng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ông Nguyễn Xuân D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng là có căn cứ. Về con chung: Ông D và bà Ng có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: Tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

- Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng:

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án xác minh thu thập, ý kiến của đại diện gia đình hai bên, chính quyền địa phương, có đủ cơ sở xác định cuộc sống chung giữa ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị Ng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống và không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Mâu thuẫn kéo dài, hai bên không có biện pháp khắc phục, nhiều lần vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, thậm chí Công an phường phải can thiệp giải quyết. Ông D khẳng định ông không còn tình cảm với bà Ng và không thể tiếp tục chung sống cùng bà Ng. Bà Ng chỉ đồng ý ly hôn khi ông D tặng lại toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho hai con vì bà cho rằng nếu ly hôn, ông D có thể mang tài sản cho người phụ nữ khác. Như vậy, mục đích không đồng ý ly hôn của bà Ng không phải vì bà mong muốn hàn gắn tình cảm, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ mà còn thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Ng đã thực sự không còn yêu thương, quý trọng và chia sẻ với nhau, không cùng nhau xây dựng cuộc sống

gia đình hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy Tòa án cấp sơ thẩm cho ông D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng là có căn cứ. Việc phân chia tài sản chung nếu các bên không tự thỏa thuận có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Ng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về nuôi con chung và tài sản chung : Do không có yêu cầu kháng cáo , kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định cuả pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2020/HNGĐ-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Xuân D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị Ng có hai con chung là Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn để xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ng được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hải Phòng;
-TAND quận Hải an, TP.Hải Phòng;
-Chi cục THADS quận Hải An, TP. Hải Phòng;
-Các đương sự (để thi hành);
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân Thúy